TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn và ông Lương Thanh Văn.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 278/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ E, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V (nay là thị xã V) vào tháng 11/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng được khoảng 03 năm, sau đó vợ chồng ra ở riêng và chuyển vào M làm kinh tế và có với nhau hai người con.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến khoảng 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi vào M làm kinh tế, anh S không trí thú làm ăn, là người ích kỷ chỉ biết bản thân mình, ngày càng không quan tâm đến gia đình, mọi việc trong gia đình để mặc chị lo liệu nên vợ chồng bất đồng quan điểm, không chỉ trong cuộc sống thường ngày mà từ cách nuôi dạy con đến trong cách cư xử, ứng xử, thời gian đầu tuy xảy ra không to tát nhưng thường xuyên dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, nhưng chị vẫn cam chịu vì các con, hơn nữa do vất vả nên cũng cứ để mặc để hy vọng anh S sẽ thay đổi. Cứ như vậy kéo dài đến giữa năm 2013 chị xác định không thể líu giữ được cuộc sống hôn nhân với anh S và đã nhiều lần gửi đơn ly hôn đến Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, nhưng anh S lại xin, hứa để sửa chữa nhưng vẫn chứng nào tật đó không hề có chút thay đổi. Đến đầu năm 2021 anh S quay về quê thôn T, xã T, huyện V (nay là thị xã V) sống và vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do xác định sống không còn hạnh phúc. Thời kỳ đầu ly thân vợ chồng cũng hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình thông gia không gặp gỡ để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng đoàn tụ.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc về đoàn tụ là không thể, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 04/11/2002 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/10/2004, nay các cháu đã trưởng thành nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung, vay nợ: Vợ chồng không có gì vướng mắc, nay ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất nông nghiệp: Không có gì vướng mắc nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Đỗ Thị H không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cưới nhau xong vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng ở thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang và có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến năm 2004 vợ chồng cùng vào xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh làm ăn, trong quá trình làm ăn vợ chồng dần bất đồng quan điểm, trong việc làm ăn kinh tế hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, chị H cũng đã gửi đơn ly hôn đến Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để giải quyết việc ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng về sống đoàn tụ. Năm 2021 anh về quê xã T, thị xã V sinh sống cho đến nay, xong thời gian này anh vẫn đi lại vào thăm chị H.

Nay chị H yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý vì anh không muốn gia đình ly tán. Trong trường hợp chị H kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 04/11/2002 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/10/2004, nay các cháu đã trưởng thành nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung, vay nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc thuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Không giải quyết.

Tài sản chung, vay nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các trình tự tiến hành tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn chị Đỗ Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn S, kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến đầu năm 2013 thì

bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, xúc phạm nhau, khiến tình cảm lạnh nhạt và không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ đầu năm 2021 vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn S không muốn ly hôn, mong muốn chị Đỗ Thị H về đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn S ly thân từ năm 2021 đến nay, quá trình ly thân thể hiện anh chị không có biện pháp tháo gỡ, hàn gắn tình cảm vợ chồng điều đó thể hiện cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Nguyễn Văn S là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 04/11/2002 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/10/2004, nay các cháu đã trưởng thành nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[4] Tài sản chung, vay nợ, ruộng đất nông nghiệp: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Không giải quyết

3. Về tài sản, vay nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị Đỗ Thị H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001523 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (xác nhận chị H2 đã nộp đủ)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh